

Bản án số: 97/2024/KDTM-ST

Ngày: 17-5-2024

V/v: Tranh chấp buộc thực hiện nghĩa vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2024/QĐST-KDTM ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Trụ sở: 27/6A đường N, Ấp 3, xã S, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Mệt Xe Đ, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH L)

Trụ sở: 2A đường B, Phường Y, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Tuấn A, sinh năm 1993; Chức danh: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/9/2023 của Nguyên đơn – Công ty TNHH T (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của bà Trần Bé T là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì: Ngày 18/4/2023, ông Chu Tuấn Anh đại diện Công ty TNHH L sau này là Công ty TNHH C (sau đây gọi là Bị đơn) có đặt hàng qua zalo để mua 09 sản phẩm nội thất của Nguyên đơn, trị giá 85.000.000đ, hai bên thống nhất giao hàng vào ngày 05/5/2023, thanh toán 30% giá trị đơn hàng khi xác nhận đơn, thanh toán 30% giá trị đơn hàng vào ngày 25/4/2023, 40% còn lại thanh toán khi nhận hàng và nghiệm thu. Ngày 18/4/2023, Bị đơn đã đặt cọc 25.500.000đ và ngày 25/4/2023 thanh toán 25.500.000đ qua tài khoản ngân hàng của Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn. Ngày 04/5/2023, Bị đơn đặt mua thêm 02 sản phẩm trị giá 22.700.000đ. Theo Biên bản nghiệm thu ngày 21/6/2023 thì Nguyên đơn đã giao và Bị đơn đã nhận đủ 11 sản phẩm, trong các sản phẩm đã nhận có 03 sản phẩm theo đánh giá của Bị đơn là không đạt yêu cầu nên ngày 12/7/2023 hai bên thống nhất phương án xử lý sản phẩm lỗi, theo đó Nguyên đơn sẽ thu hồi sản phẩm lỗi trị giá 25.000.000đ. Ngày 15/7/2023, Nguyên đơn tiến hành thu hàng lỗi, ngày 27/7/2023 Bị đơn có văn bản đề nghị Nguyên đơn hoàn thành nghĩa vụ với những lời lẽ khiêu khích, hàm ý đe dọa với mong muốn làm ảnh hưởng đến uy tín của Nguyên đơn. Nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ, đã thu hồi hàng lỗi nên Bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả ngay 32.042.043đ (Ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn không trăm bốn mươi ba đồng) bao gồm 31.700.000đ nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày 24/8/2023 là 342.043đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông Chu Tuấn A là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Chu Tuấn A đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn do ông Chu Tuấn A là Người đại diện theo pháp luật vắng mặt.

Ông Tô Mệt Xe Đ là Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn trình bày: Tổng giá trị của 11 sản phẩm Bị đơn đặt hàng là 107.700.000đ, nhưng sản phẩm nệm và mè ngồi (số 11) trị giá 7.200.000đ Bị đơn cho rằng hàng lỗi nên chưa nhận hàng. Như vậy, giá trị thực tế của đơn hàng là 100.500.000đ, theo thỏa thuận của hai bên thì Nguyên đơn sẽ thu hồi 03 sản phẩm trị giá 43.600.000đ, nhưng Nguyên đơn mới chỉ thu hồi được 02 sản phẩm trị giá 25.000.000đ nên số tiền Bị đơn còn phải trả cho Nguyên đơn là 75.500.000đ. Tổng số tiền Bị đơn đã

thanh toán ngày 18 và 25/4/2023 là 51.000.000đ nên Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bị đơn phải trả ngay 24.500.000đ và rút yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Mặc dù có vi phạm thời hạn công bố tài liệu, chứng cứ và thời hạn đưa vụ án ra xét xử nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Bị đơn do Bị đơn có trụ sở tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Tô Mệt Xe Đ là Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn có mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Bị đơn, tuy nhiên việc mua bán giữa Nguyên đơn và Bị đơn không có hợp đồng, chỉ được thực hiện qua tin nhắn zalo, biên bản giao hàng, biên bản nghiệm thu, biên bản thu hồi hàng lỗi nên Hội đồng xét xử xác định

quan hệ pháp luật giữa Nguyên đơn và Bị đơn là “Tranh chấp buộc thực hiện nghĩa vụ”.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải trả 24.500.000đ tiền mua hàng còn thiếu của Nguyên đơn. Xét thấy:

[5.1] Căn cứ Đơn khởi kiện ngày 14/9/2023 của Nguyên đơn thì Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền 31.700.000đ tiền mua hàng còn thiếu. Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bị đơn trả 24.500.000đ tiền mua hàng còn thiếu. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì việc thay đổi yêu cầu này của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Căn cứ Biên bản giao hàng giữa Nguyên đơn và Bị đơn thể hiện Bị đơn đã nhận của Nguyên đơn 11 sản phẩm bao gồm:

- 1/ Bàn chân sắt đen đỏ 3 cái, giá 2.450.000đ/cái = 7.350.000đ
 - 2/ Bàn chân đá terrazo 2 cái, giá 3.500.000đ/cái = 7.000.000đ
 - 3/ Bàn dài chân đá terrazo 1 cái, giá 9.500.000đ/cái = 9.500.000đ
 - 4/ Ghế quỳ chân sắt đen 5 cái, giá 1.050.000đ/cái = 5.250.000đ
 - 5/ Ghế chân sắt đen 5 cái, giá 950.000đ/cái = 4.750.000đ
 - 6/ Ghế chân sắt đen 12 cái, giá 1.550.000đ/cái = 18.600.000đ
 - 7/ Đôn gỗ thùng gỗ sơn đỏ 4 cái, giá 2.550.000đ/cái = 10.200.000đ
 - 8/ Bàn vuông bo góc chân sắt đen đỏ 3 cái, giá 2.450.000đ/cái = 7.350.000đ
 - 9/ Ghế chân sắt đen 12 cái, giá 1.250.000đ/cái = 15.000.000đ
 - 10/ Băng ngòi chân đá mài 1 cái, giá 15.500.000đ/cái = 15.500.000đ
 - 11/ Nệm và mè ngòi 3,6m, giá 2.000.000đ/m = 7.200.000đ
- Tổng giá trị đơn hàng là 107.700.000đ.

[5.3] Theo thừa nhận của đại diện Nguyên đơn tại phiên tòa thì sản phẩm nệm và mè ngòi (số 11) trị giá 7.200.000đ Bị đơn không nhận hàng nên sẽ trừ số tiền này vào giá trị đơn hàng. Giá trị đơn hàng còn lại là 100.500.000đ

[5.3] Căn cứ Biên bản nghiệm thu giữa Nguyên đơn và Bị đơn thể hiện có 03 sản phẩm không đạt là bàn dài chân đá terrazo 1 cái, trị giá 9.500.000đ (số 3); Ghế chân sắt đen 12 cái trị giá 18.600.000đ (số 6) và băng ngòi chân đá mài 1 cái trị giá 15.500.000đ (số 10). Như vậy, tổng giá trị hàng không đạt là 43.600.000đ.

Căn cứ Biên bản họp về việc thu hồi sản phẩm ngày 12/7/2023 giữa Nguyên đơn và Bị đơn, theo đó hai bên thống nhất Nguyên đơn sẽ thu hồi sản phẩm lỗi và số tiền được căn trừ vào phần thanh toán còn lại theo thỏa thuận của hai bên.

Căn cứ Biên bản thu hàng về việc lấy sản phẩm bị lỗi ngày 15/7/2023 thể hiện, Nguyên đơn chỉ thu hồi được băng ngồi chân đá mài 1 cái trị giá 15.500.000đ (số 10), biên bản không thể hiện việc thu hồi sản phẩm bàn dài chân đá terrazo 1 cái, trị giá 9.500.000đ (số 3) và 12 ghế chân sắt đen, trị giá 18.600.000đ (số 6). Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn xác nhận trong ngày 15/7/2023 có thu hồi được bàn dài chân đá terrazo 1 cái, trị giá 9.500.000đ (số 3) nhưng Bị đơn không ký biên bản xác nhận. Việc xác nhận nhận hàng này của Nguyên đơn là có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, như vậy Nguyên đơn đã thu hồi 02 sản phẩm, trị giá 25.000.000đ.

[5.4] Căn cứ bảng kê giao dịch tài khoản của ông Tô Mệt Xe Đ là Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hóc Môn thể hiện ngày 19/4/2023 ông Chu Tuấn A là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn có chuyển khoản 25.500.000đ để đặt cọc 30% giá trị hợp đồng và ngày 25/4/2023 thanh toán 25.500.000đ. Tổng số tiền Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn là 51.000.000đ.

[5.5] Như vậy, tổng giá trị hàng hóa Bị đơn đã nhận của Nguyên đơn là 100.500.000đ - 25.000.000đ giá trị đơn hàng lỗi Nguyên đơn đã thu hồi thì tổng số tiền Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là 75.500.000đ. Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn 51.000.000đ nên số tiền Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn là 24.500.000đ. Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn và buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn 24.500.000đ tiền mua hàng còn thiếu.

[6] Về việc rút yêu cầu Bị đơn phải trả 342.043đ tiền lãi do chậm thanh toán của Nguyên đơn.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Nguyên đơn, Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[7] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, trả lại Nguyên đơn 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 3.000.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm c Khoản 1 Điều 217; Khoản 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn - Công ty TNHH T.

1.1 Buộc Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH L) có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH T 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền mua hàng còn thiếu.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH L) phải trả 342.043đ (Ba trăm bốn mươi hai ngàn không trăm bốn mươi ba đồng) tiền lãi do chậm thanh toán.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH L) phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH T 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0023779 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH C (tên cũ Công ty TNHH L) có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương